

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

*V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc Tuấn*

*Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 107/2024/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Hồ M**, sinh ngày 25/11/1987; Căn cước công dân số 046087015995 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/9/2021; Hộ chiếu số P00539688 do **Cục Q** cấp ngày 12/9/2022; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: 23 **kiệt A, đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Hiện đang sống và làm việc tại: **Số nhà A, đường T, quận Q, thành phố Đ, Đài Loan**.

2. Chị **Lê Thị N**, sinh ngày 05/7/1986; Căn cước công dân số 026186013092 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2023; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: 23 **kiệt A, đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Địa chỉ tạm trú: **Khu D, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**.

Anh **M** ủy quyền cho chị **N** nhận thay các văn bản tố tụng.

(Anh **M**, chị **N** đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh **Hồ M** và chị **Lê Thị N** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh chị đăng ký kết hôn ngày 11/3/2013 tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Thời gian đầu sau kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận. Năm 2019, anh **M** đi lao động tại Đài Loan. Kể từ đó, giữa anh chị bắt

đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng cách địa lý khiến hai vợ chồng thiếu sự tin tưởng, thấu hiểu và sẻ chia lẫn nhau dẫn tới không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Dù đã được hai bên gia đình và bạn bè hết sức khuyên can, hòa giải, dù sau những lần mâu thuẫn, anh chị đã cố gắng ngồi lại với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không những không thống nhất được quan điểm mà mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Sau những lần như vậy, tình cảm vợ chồng anh chị ngày càng xa cách, mâu thuẫn giữa anh chị đã kéo dài nhiều năm mà không thể giải quyết. Hiện nay, nhận thấy hôn nhân của mình đã rơi vào bế tắc, mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa, níu kéo cũng chỉ đem lại đau khổ và tổn thương cho hai bên. Vì vậy, anh chị thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị chỉ có 01 con chung là cháu **Hồ Chí V**, sinh ngày 06/7/2013. Ngoài ra, anh chị không có con chung nào khác. Hiện cháu **V** đang sống cùng với chị **N**. Anh chị thống nhất đề nghị Tòa án tuyên giao cháu **Hồ Chí V** cho chị **Lê Thị N** trực tiếp nuôi sau khi ly hôn cho đến khi cháu **V** thành niên và lao động tự túc được.

- Về cấp dưỡng: Anh chị tự thỏa thuận với nhau mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung và các nghĩa vụ khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí, chi phí tố tụng tại Tòa án: Anh chị thống nhất thỏa thuận để chị **N** chịu toàn bộ lệ phí, chi phí tố tụng tại Tòa án thay cho cả phần nghĩa vụ của anh **M**.

*Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung việc dân sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Hồ M** và chị **Lê Thị N**.

- Về con chung: Giao cháu **Hồ Chí V**, sinh ngày 06/7/2013 cho chị **Lê Thị N** trực tiếp nuôi sau khi ly hôn cho đến khi cháu **V** thành niên và lao động tự túc được.

- Về cấp dưỡng: Anh **M** và chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân, nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Anh **M** và chị **N** đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị **N** tự nguyện chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:*

[1] Về tố tụng: Trong Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh **Hồ M** và chị **Lê Thị N** do chị **N** nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 21/8/2024 thể hiện anh **M** đang ở Đài Loan có xác nhận của **Văn phòng K** tại **Đ**. Chị **N** có nơi đăng ký tạm trú tại tỉnh Phú Thọ, anh **M** và chị **N** thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh chị có đề nghị không hòa giải và giải quyết vắng mặt anh chị tại Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Hồ M** và chị **Lê Thị N** đăng ký kết hôn ngày 11/3/2013 tại Ủy ban nhân dân phường **X**, thành phố **H**, tỉnh Thừa Thiên Huế là hôn nhân hợp pháp. Năm 2019, anh **M** đi lao động tại Đài Loan, kể từ đó, giữa anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách địa lý khiến hai vợ chồng thiếu sự tin tưởng, thấu hiểu và sẻ chia lẫn nhau dẫn tới không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Hiện nay, nhận thấy hôn nhân của mình đã rơi vào bế tắc, mâu thuẫn đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, anh chị thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

Việc anh **M** và chị **N** thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ ý chí của cả hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh **M** và chị **N** xác nhận có 01 con chung là **Hồ Chí V**, sinh ngày 06/7/2013. Hiện cháu **V** đang sống cùng với chị **N**. Anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn, chị **N** là người trực tiếp nuôi cháu **V** cho đến khi cháu **V** thành niên và lao động tự túc được, điều này phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu **V**. Vì vậy, cần công nhận thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung của anh **M** và chị **N**.

[2.3] Về cấp dưỡng: Anh **M** và chị **N** tự thỏa thuận mà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân, nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Anh **M** và chị **N** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh **M** và chị **N** thống nhất chị **N** chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự cần được chấp nhận.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; các Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370, 371 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Hồ M** và chị **Lê Thị N**.

[2] Về con chung: Giao cháu **Hồ Chí V**, sinh ngày 06/7/2013 cho chị **Lê Thị N** trực tiếp nuôi sau khi ly hôn cho đến khi cháu **V** thành niên và lao động tự túc được.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị **Lê Thị N** chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị **N** đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000336 ngày 04/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[4] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Xuân Phú;
- Đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Đỗ Ngọc Tuấn**